UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 313 /2014/QĐ-UBND	*Bắc Giang, ngày 05 tháng 6 năm 2014*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định quản lý cán bộ chuyên trách xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

ĐẾN Số: 1686
Ngày: 06/6
Chuyển:

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Cán bộ, Công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 114/2003/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ về cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 34/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật đối với công chức;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 03/2010/TTLB-BNV-BTC-BLĐTB&XH ngày 27 tháng 5 năm 2010 của Bộ Nội vụ - Bộ Tài chính - Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Thông tư số 06/2012/TT-BNV ngày 30 tháng 10 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về chức trách, tiêu chuẩn cụ thể, nhiệm vụ và tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Quyết định số 04/2004/QĐ-BNV ngày 16 tháng 01 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành quy định tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn;

Theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 72/TTr-SNV ngày 16 tháng 4 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý cán bộ chuyên trách xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 (SNV 03 bản);
- VPCP, Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản (BTP);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP Tỉnh ủy, các cơ quan thuộc Tỉnh ủy;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh;
- UB MTTQ và các đoàn thể nhân dân tỉnh;
- TAND, VKSND, Cục THADS tỉnh;
- Các cơ quan TW trên địa bàn tỉnh;
- VP UBND tỉnh:
  + LĐVP, các phòng, TT;
  + Lưu: VT, NC.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Bùi Văn Hải

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Quản lý cán bộ chuyên trách xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

(Ban hành kèm theo Quyết định số 13/2014/QĐ-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về tiêu chuẩn; xếp lương; chuyển xếp lương khi thay đổi về trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ chuyên trách xã, phường, thị trấn (xã, phường, thị trấn sau đây viết chung là cấp xã); xét chuyển cán bộ chuyên trách cấp xã sang công chức cấp xã; xử lý kỷ luật đối với cán bộ chuyên trách cấp xã trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cán bộ chuyên trách cấp xã quy định tại khoản 1, Điều 3 Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

2. Người có thẩm quyền hoặc người được giao thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến việc quản lý cán bộ chuyên trách cấp xã theo quy định này.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

TIÊU CHUẨN, XẾP LƯƠNG CÁN BỘ CHUYÊN TRÁCH CẤP XÃ

Điều 3. Tiêu chuẩn

Thực hiện theo quy định tại các Điều 3, 5, 6, 7, 8 Quy định tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn ban hành kèm theo Quyết định số 04/2004/QĐ-BNV ngày 16 tháng 01 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành quy định tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn; riêng về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phải từ Trung cấp chuyên môn trở lên. Đối với chức vụ Chủ tịch Hội Cựu chiến binh phải tốt nghiệp trình độ từ Trung học phổ thông trở lên.

Điều 4. Thẩm quyền xếp lương

1. Sở Nội vụ xếp lương lần đầu đối với người lần đầu giữ chức vụ cán bộ chuyên trách cấp xã.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (huyện, thành phố sau đây viết chung là cấp huyện) xếp lương đối với cán bộ chuyên trách cấp xã trong trường hợp tái cử, chuyển sang đảm nhiệm chức vụ cán bộ chuyên trách khác, hoặc chuyển từ công chức cấp xã sang cán bộ chuyên trách cấp xã.

Điều 5. Hồ sơ đề nghị xếp lương

1. Hồ sơ đề nghị Sở Nội vụ quyết định xếp lương lần đầu, gồm:

a) Công văn đề nghị xếp lương lần đầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;

b) Bản sao có chứng thực Quyết định hoặc Nghị quyết phê chuẩn kết quả bầu cử của cấp có thẩm quyền;

c) Bản sơ yếu lý lịch cán bộ theo mẫu số 2c-BNV/2008 ban hành kèm theo Quyết định số 02/2008/QĐ-BNV ngày 06 tháng 10 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành biểu mẫu hồ sơ quản lý cán bộ, công chức (sau đây viết chung là bản sơ yếu lý lịch cán bộ theo mẫu số 2c), có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi công tác trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tính đến ngày nộp hồ sơ;

d) Bản sao có chứng thực trình độ chuyên môn đào tạo, trình độ Lý luận chính trị.

2. Hồ sơ đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xếp lương, gồm:

a) Công văn đề nghị xếp lương của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Bản sao có chứng thực Quyết định hoặc Nghị quyết phê chuẩn kết quả bầu cử của cấp có thẩm quyền;

c) Bản sao có chứng thực Quyết định xếp lương gần nhất.

Điều 6. Trình tự, thủ tục xếp lương

1. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày có Quyết định hoặc Nghị quyết phê chuẩn của cấp có thẩm quyền, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có Công văn kèm theo hồ sơ đề nghị xếp lương đối với cán bộ chuyên trách cấp xã gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện. Trường hợp đề nghị xếp lương lần đầu, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã gửi 02 bộ hồ sơ (01 bộ lưu tại huyện, 01 bộ lưu tại Sở Nội vụ).

2. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xếp lương đối với cán bộ chuyên trách cấp xã theo thẩm quyền hoặc có văn bản kèm theo hồ sơ đề nghị Sở Nội vụ xem xét, quyết định xếp lương lần đầu đối với cán bộ chuyên trách cấp xã.

3. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Nội vụ quyết định xếp lương lần đầu đối với cán bộ chuyên trách cấp xã.

Mục 2

CHUYỂN XẾP LƯƠNG CÁN BỘ CHUYÊN TRÁCH CẤP XÃ KHI THAY ĐỔI VỀ TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ

Điều 7. Điều kiện chuyển xếp lương

Cán bộ chuyên trách cấp xã đề nghị chuyển xếp lương nếu đảm bảo các điều kiện sau:

1. Có phẩm chất chính trị, phẩm chất đạo đức tốt.

2. Không trong thời gian bị thi hành kỷ luật hoặc đã có thông báo về việc xem xét xử lý kỷ luật của cơ quan có thẩm quyền.

3. Có trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ cao hơn trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ hiện có.

4. Có chứng nhận bồi dưỡng kiến thức về quản lý Nhà nước hoặc xác nhận đã được bồi dưỡng kiến thức quản lý Nhà nước của cơ quan tổ chức đào tạo, bồi dưỡng.

5. Có chứng chỉ tin học văn phòng trình độ A.

Điều 8. Trình tự, thủ tục chuyển xếp lương

1. Cán bộ chuyên trách cấp xã khi có thay đổi về trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ, nộp 02 bộ hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã. Thành phần hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị chuyển xếp lương theo mẫu tại Phụ lục số 01 kèm theo Quyết định này;

b) Bản sơ yếu lý lịch cán bộ theo mẫu số 2c, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi công tác trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tính đến ngày nộp hồ sơ;

c) Bản nhận xét, đánh giá cán bộ chuyên trách cấp xã trong vòng 12 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ, có xác nhận của người có thẩm quyền;

d) Bản sao có chứng thực quyết định xếp lương hiện hưởng;

đ) Bản sao có chứng thực văn bằng, chứng chỉ về trình độ chuyên môn, trình độ quản lý Nhà nước, tin học văn phòng.

2. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị chuyển xếp lương của cán bộ chuyên trách cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản kèm theo 02 bộ hồ sơ (01 bộ lưu tại huyện, 01 bộ lưu tại Sở Nội vụ) đề nghị chuyển xếp lương gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định.

3. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có văn bản đề nghị Sở Nội vụ thẩm định.

4. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Nội vụ thẩm định bằng văn bản gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

5. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản thẩm định của Sở Nội vụ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định chuyển xếp lương đối với cán bộ chuyên trách cấp xã. Thời điểm hưởng lương mới tính từ tháng sau liền kề của tháng ra Quyết định.

Mục 3

XÉT CHUYỂN CÁN BỘ CHUYÊN TRÁCH CẤP XÃ SANG CÔNG CHỨC CẤP XÃ

Điều 9. Điều kiện, tiêu chuẩn xét chuyển

Cán bộ chuyên trách cấp xã khi thôi đảm nhiệm chức vụ nếu có nguyện vọng thì được xem xét chuyển sang công chức cấp xã khi đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn sau:

1. Là cán bộ chuyên trách cấp xã thuộc biên chế của đơn vị cấp xã được giao, trừ trường hợp được cơ quan có thẩm quyền quyết định luân chuyển, điều động về cấp xã.

2. Còn chỉ tiêu biên chế của chức danh công chức đề nghị chuyển tại đơn vị cấp xã nơi cán bộ chuyên trách cấp xã đang công tác.

3. Có đủ các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 3 Quy định tổ chức tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 370/2013/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2013.

4. Có chuyên ngành đào tạo phù hợp với chức danh công chức đề nghị chuyển.

5. Có thời gian làm cán bộ chuyên trách cấp xã từ đủ 36 tháng trở lên.

Điều 10. Trình tự, thủ tục xét chuyển

1. Cán bộ chuyên trách cấp xã lập 02 bộ hồ sơ (01 bộ lưu tại Ủy ban nhân dân cấp huyện, 01 bộ lưu tại Sở Nội vụ) gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, thành phần hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị của cán bộ chuyên trách cấp xã có nguyện vọng chuyển sang công chức cấp xã theo mẫu tại Phụ lục số 02 kèm theo Quyết định này;

b) Bản sơ yếu lý lịch cán bộ theo mẫu số 2c, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi công tác trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tính đến ngày nộp hồ sơ;

c) Văn bản của Đảng ủy cấp xã đồng ý cho chuyển từ cán bộ chuyên trách cấp xã sang công chức cấp xã;

d) Bản sao có chứng thực Quyết định xếp lương gần nhất;

đ) Bản sao có chứng thực Quyết định hoặc Nghị quyết phê chuẩn kết quả bầu cử của cấp có thẩm quyền;

e) Bản sao có chứng thực văn bằng, chứng chỉ về trình độ chuyên môn, trình độ tin học.

2. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại Điều 9 Quy định này, có văn bản đề nghị gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định.

3. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét các điều kiện, tiêu chuẩn xét chuyển của cán bộ chuyên trách cấp xã sang công chức cấp xã, có văn bản đề nghị Sở Nội vụ thẩm định.

4. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Nội vụ thẩm định bằng văn bản gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

5. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản thẩm định của Sở Nội vụ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định xét chuyển cán bộ chuyên trách cấp xã sang công chức cấp xã.

Mục 4

XỬ LÝ KỶ LUẬT

Điều 11. Thời hiệu, thời hạn xử lý kỷ luật

Thực hiện theo quy định tại Điều 80 Luật Cán bộ, công chức năm 2008.

Điều 12. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật

1. Cán bộ chuyên trách cấp xã có hành vi vi phạm pháp luật, Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, Điều lệ của tổ chức chính trị - xã hội hoặc các văn bản của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền thì bị xử lý theo quy định.

Trường hợp cán bộ chuyên trách cấp xã là đảng viên, thì cấp ủy quản lý đảng viên đó xem xét, xử lý kỷ luật về Đảng theo quy định của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam và các văn bản của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền. Sau đó, việc xử lý kỷ luật được thực hiện theo trình tự:

a) Trường hợp cán bộ chuyên trách cấp xã giữ các chức vụ: Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy, Thường trực Đảng ủy, kết quả xử lý kỷ luật về Đảng được gửi đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện để theo dõi, quản lý theo quy định;

b) Trường hợp cán bộ chuyên trách cấp xã giữ các chức vụ: Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, kết quả xử lý kỷ luật về Đảng được gửi đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện để xem xét, xử lý kỷ luật theo quy định từ Điều 13 đến Điều 23 Quy định này;

c) Trường hợp cán bộ chuyên trách cấp xã giữ các chức vụ trong tổ chức chính trị - xã hội, kết quả xử lý kỷ luật về Đảng được gửi đến tổ chức chính trị - xã hội có thẩm quyền xem xét, xử lý kỷ luật theo quy định của Điều lệ và các văn bản hướng dẫn của các tổ chức chính trị - xã hội. Kết quả xử lý kỷ luật về Đảng và kết quả xử lý kỷ luật theo Điều lệ tổ chức chính trị - xã hội được gửi đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện để theo dõi, quản lý theo quy định.

2. Đối với cán bộ chuyên trách cấp xã đã chuyển hoặc nghỉ công tác mới phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật mà còn trong thời hiệu quy định thì cơ quan có thẩm quyền quản lý cán bộ chuyên trách cấp xã trước đây tiến hành xử lý kỷ luật và gửi hồ sơ, quyết định kỷ luật về cơ quan, đơn vị đang quản lý cán bộ chuyên trách cấp xã. Nếu cơ quan trước đây đã giải thể, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thì những người có trách nhiệm liên quan phải bàn giao hồ sơ để cơ quan, đơn vị đang quản lý cán bộ chuyên trách cấp xã thực hiện việc xử lý kỷ luật.

Điều 13. Nguyên tắc xử lý kỷ luật, các hành vi bị xử lý kỷ luật, các trường hợp chưa xem xét xử lý kỷ luật hoặc được miễn trách nhiệm kỷ luật

Thực hiện theo quy định tại các Điều 2, 3, 4, 5 Nghị định số 34/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ quy định xử lý kỷ luật đối với công chức (sau đây viết tắt là Nghị định số 34/2011/NĐ-CP).

Điều 14. Các hình thức kỷ luật

1. Các hình thức kỷ luật về Đảng hoặc về tổ chức chính trị - xã hội tuân theo Điều lệ Đảng và Điều lệ tổ chức chính trị - xã hội.

2. Ngoài hình thức kỷ luật về Đảng, cán bộ chuyên trách cấp xã giữ các chức vụ: Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân còn bị áp dụng một trong các hình thức kỷ luật về mặt Nhà nước sau:

a) Khiển trách;

b) Cảnh cáo;

c) Cách chức;

d) Bãi nhiệm.

Điều 15. Khiển trách

Hình thức kỷ luật khiển trách áp dụng đối với cán bộ chuyên trách cấp xã có một trong các hành vi vi phạm pháp luật sau đây:

1. Có thái độ hách dịch, cửa quyền hoặc gây khó khăn, phiền hà đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trong thi hành công vụ.

2. Không thực hiện nhiệm vụ được giao mà không có lý do chính đáng.

3. Gây mất đoàn kết trong cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi đang công tác.

4. Tự ý nghỉ việc, tổng số từ 03(ba) đến dưới 05(năm) ngày làm việc trong một tháng.

5. Sử dụng tài sản công trái pháp luật.

6. Xác nhận giấy tờ pháp lý cho người không đủ điều kiện.

7. Vi phạm quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; kỷ luật lao động; bình đẳng giới; phòng, chống tệ nạn mại dâm và các quy định khác của pháp luật liên quan đến cán bộ chuyên trách cấp xã.

Điều 16. Cảnh cáo

Hình thức kỷ luật cảnh cáo áp dụng đối với cán bộ chuyên trách cấp xã có một trong các hành vi vi phạm pháp luật sau đây:

1. Cấp giấy tờ pháp lý cho người không đủ điều kiện.

2. Sử dụng thông tin, tài liệu của cơ quan, tổ chức nơi đang công tác để vụ lợi.

3. Lợi dụng vị trí công tác, cố ý làm trái pháp luật với mục đích vụ lợi.

4. Không chấp hành quyết định điều động, phân công công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

5. Sử dụng giấy tờ không hợp pháp để được tham gia đào tạo, bồi dưỡng.

6. Tự ý nghỉ việc, tổng số từ 05 (năm) đến dưới 07 (bảy) ngày làm việc trong một tháng.

7. Sử dụng trái phép chất ma túy bị cơ quan công an thông báo về cơ quan, tổ chức nơi đang công tác.

8. Để xảy ra hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong phạm vi phụ trách mà không có biện pháp ngăn chặn.

9. Vi phạm ở mức độ nghiêm trọng quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; kỷ luật lao động; bình đẳng giới; phòng, chống tệ nạn mại dâm và các quy định khác của pháp luật liên quan đến cán bộ chuyên trách cấp xã.

Điều 17. Cách chức, bãi nhiệm

1. Hình thức kỷ luật cách chức áp dụng đối với cán bộ chuyên trách cấp xã có một trong các hành vi vi phạm pháp luật sau đây:

a) Sử dụng giấy tờ không hợp pháp để được bầu giữ chức vụ;

b) Không hoàn thành nhiệm vụ quản lý, điều hành theo sự phân công mà không có lý do chính đáng, để xảy ra hậu quả rất nghiêm trọng;

c) Bị phạt tù cho hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ;

d) Nghiện ma túy có xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền;

đ) Tự ý nghỉ việc, tổng số từ 07 (bảy) ngày làm việc trở lên trong một tháng hoặc từ 20 (hai mươi) ngày làm việc trở lên trong một năm;

e) Vi phạm ở mức độ rất nghiêm trọng quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; bình đẳng giới; kỷ luật lao động; phòng, chống tệ nạn mại dâm và các quy định khác của pháp luật liên quan đến cán bộ chuyên trách cấp xã.

2. Cán bộ chuyên trách cấp xã khi có một trong các hành vi vi phạm tại khoản 1 Điều này thì có thể áp dụng hình thức kỷ luật bãi nhiệm. Trình tự, thủ tục bãi nhiệm được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Hội đồng kỷ luật

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Hội đồng kỷ luật có 05 (năm) hoặc 07 (bảy) thành viên gồm:

a) Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện làm Chủ tịch Hội đồng;

b) Trưởng Ban Tổ chức Huyện ủy, Thành ủy làm Phó Chủ tịch Hội đồng;

c) Trưởng phòng Nội vụ cấp huyện làm Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng;

d) Các Ủy viên khác gồm: đại diện lãnh đạo Liên đoàn lao động cấp huyện; đại diện Thường trực Đảng ủy hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cán bộ chuyên trách cấp xã bị xem xét kỷ luật đang công tác; các thành viên còn lại do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định.

2. Không được cử người có quan hệ gia đình như cha, mẹ, con được pháp luật thừa nhận; vợ, chồng; anh, chị, em ruột; chị, em dâu; anh, em rể hoặc người có liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật của cán bộ chuyên trách cấp xã bị xem xét xử lý kỷ luật tham gia làm thành viên Hội đồng kỷ luật.

3. Không thành lập Hội đồng kỷ luật đối với trường hợp cán bộ chuyên trách cấp xã có hành vi vi phạm pháp luật bị phạt tù mà không hưởng án treo.

4. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng kỷ luật

a) Hội đồng kỷ luật họp khi có đủ 2/3 thành viên trở lên tham dự, trong đó có Chủ tịch Hội đồng và Thư ký Hội đồng. Hội đồng kỷ luật kiến nghị áp dụng hình thức kỷ luật thông qua bỏ phiếu kín;

b) Việc họp Hội đồng kỷ luật phải lập thành biên bản ghi ý kiến của các thành viên dự họp và kết quả bỏ phiếu kiến nghị hình thức kỷ luật áp dụng đối với cán bộ chuyên trách cấp xã có hành vi vi phạm pháp luật;

c) Hội đồng kỷ luật tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 19. Tổ chức họp kiểm điểm

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân có hành vi vi phạm pháp luật) tổ chức họp toàn thể cán bộ, công chức thuộc đơn vị để cán bộ chuyên trách cấp xã có hành vi vi phạm pháp luật tự kiểm điểm và nhận hình thức kỷ luật; đồng thời cử một công chức làm thư ký cuộc họp để ghi biên bản.

2. Cán bộ chuyên trách cấp xã có hành vi vi phạm pháp luật phải làm bản tự kiểm điểm. Bản tự kiểm điểm phải nêu rõ hành vi vi phạm và tự nhận hình thức kỷ luật. Trường hợp cán bộ chuyên trách cấp xã có hành vi vi phạm pháp luật không làm bản kiểm điểm hoặc vắng mặt sau 02 (hai) lần gửi giấy triệu tập mà không có lý do chính đáng, đến lần thứ 03 (ba) sau khi đã gửi giấy triệu tập, nếu cán bộ chuyên trách cấp xã tiếp tục vắng mặt thì cuộc họp kiểm điểm vẫn được tiến hành.

3. Nội dung cuộc họp kiểm điểm cán bộ chuyên trách cấp xã có hành vi vi phạm pháp luật quy định tại Điều này được lập thành biên bản có đầy đủ chữ ký của chủ tọa và thư ký cuộc họp. Nội dung biên bản phải có kiến nghị áp dụng hình thức kỷ luật đối với cán bộ chuyên trách cấp xã có hành vi vi phạm pháp luật. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc cuộc họp kiểm điểm, biên bản cuộc họp kiểm điểm được gửi đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện để xem xét theo thẩm quyền.

4. Không tổ chức họp kiểm điểm đối với trường hợp không thành lập Hội đồng kỷ luật.

Điều 20. Tổ chức họp Hội đồng kỷ luật

1. Chuẩn bị họp:

a) Chậm nhất là 07 (bảy) ngày làm việc trước cuộc họp của Hội đồng kỷ luật, giấy triệu tập họp phải được gửi tới cán bộ chuyên trách cấp xã có hành vi vi phạm pháp luật. Cán bộ chuyên trách cấp xã có hành vi vi phạm pháp luật vắng mặt phải có lý do chính đáng. Trường hợp cán bộ chuyên trách cấp xã có hành vi vi phạm pháp luật vắng mặt sau 02 (hai) lần gửi giấy triệu tập, đến lần thứ 03 (ba) sau khi đã gửi giấy triệu tập, nếu cán bộ đó tiếp tục vắng mặt thì Hội đồng kỷ luật vẫn họp xem xét và kiến nghị hình thức kỷ luật;

b) Hội đồng kỷ luật có thể mời thêm cán bộ chuyên trách, công chức cấp xã

nơi cán bộ chuyên trách cấp xã có hành vi vi phạm pháp luật đang công tác và những người có liên quan dự họp. Người được mời dự họp có quyền phát biểu ý kiến và đề xuất hình thức kỷ luật nhưng không được bỏ phiếu về hình thức kỷ luật;

c) Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng kỷ luật có nhiệm vụ chuẩn bị tài liệu, hồ sơ liên quan đến việc xử lý kỷ luật, ghi biên bản cuộc họp của Hội đồng kỷ luật;

d) Hồ sơ xử lý kỷ luật trình Hội đồng kỷ luật gồm có bản tự kiểm điểm, trích ngang sơ yếu lý lịch của cán bộ chuyên trách cấp xã có hành vi vi phạm pháp luật, biên bản cuộc họp kiểm điểm và các tài liệu khác có liên quan.

2. Trình tự họp:

a) Chủ tịch Hội đồng kỷ luật tuyên bố lý do, giới thiệu các thành viên tham dự;

b) Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng kỷ luật đọc trích ngang sơ yếu lý lịch của cán bộ chuyên trách cấp xã có hành vi vi phạm pháp luật và các tài liệu khác có liên quan;

c) Cán bộ chuyên trách cấp xã có hành vi vi phạm pháp luật đọc bản tự kiểm điểm, nếu vắng mặt thì Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng kỷ luật đọc thay. Trường hợp cán bộ chuyên trách cấp xã có hành vi vi phạm pháp luật không làm bản tự kiểm điểm thì Hội đồng kỷ luật vẫn tiến hành các trình tự còn lại của cuộc họp quy định tại Khoản này;

d) Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng kỷ luật đọc biên bản cuộc họp kiểm điểm;

đ) Các thành viên Hội đồng kỷ luật và người được mời tham dự cuộc họp phát biểu ý kiến;

e) Cán bộ chuyên trách cấp xã có hành vi vi phạm pháp luật phát biểu ý kiến; nếu cán bộ chuyên trách cấp xã có hành vi vi phạm pháp luật không phát biểu ý kiến hoặc vắng mặt thì Hội đồng kỷ luật tiến hành các trình tự còn lại của cuộc họp quy định tại Khoản này;

g) Hội đồng kỷ luật bỏ phiếu kín kiến nghị áp dụng hình thức kỷ luật;

h) Chủ tịch Hội đồng kỷ luật công bố kết quả bỏ phiếu kín và thông qua biên bản cuộc họp;

i) Biên bản cuộc họp phải có đầy đủ chữ ký của Chủ tịch Hội đồng kỷ luật và Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng kỷ luật.

Điều 21. Quyết định kỷ luật

1. Trình tự ra quyết định kỷ luật:

a) Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc cuộc họp, Hội đồng kỷ luật phải có kiến nghị việc xử lý kỷ luật bằng văn bản (kèm theo biên bản họp Hội đồng kỷ luật và hồ sơ xử lý kỷ luật) gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;

b) Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của Hội đồng kỷ luật hoặc bản án, quyết định phạt tù của Tòa án thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định kỷ luật hoặc kết luận cán bộ chuyên trách cấp xã không vi phạm pháp luật;

c) Trường hợp có tình tiết phức tạp thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định kéo dài thời hạn xử lý kỷ luật theo quy định tại khoản 2 Điều 80 Luật Cán bộ, công chức và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

2. Quyết định kỷ luật phải ghi rõ thời điểm có hiệu lực thi hành.

3. Sau 12 (mười hai) tháng kể từ ngày quyết định kỷ luật có hiệu lực, nếu cán bộ chuyên trách cấp xã không tiếp tục có hành vi vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật thì quyết định kỷ luật chấm dứt hiệu lực mà không cần phải có văn bản về việc chấm dứt hiệu lực.

4. Các tài liệu liên quan đến việc xử lý kỷ luật và quyết định kỷ luật phải được lưu giữ trong hồ sơ cán bộ chuyên trách cấp xã (lưu tại cấp huyện và cấp xã). Hình thức kỷ luật phải được ghi vào lý lịch của cán bộ chuyên trách cấp xã.

Điều 22. Khiếu nại

Cán bộ chuyên trách cấp xã bị xử lý kỷ luật có quyền khiếu nại đối với quyết định kỷ luật theo quy định của pháp luật về khiếu nại.

Điều 23. Các quy định liên quan

Thực hiện theo quy định tại Điều 82 Luật cán bộ, công chức năm 2008 và các Điều 22, 23, 24 Nghị định số 34/2011/NĐ-CP.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 24. Điều khoản thi hành

1. Ngoài những nội dung quản lý được quy định tại Quy định này, những nội dung quản lý cán bộ chuyên trách cấp xã khác như xét chuyển cán bộ chuyên trách cấp xã thành công chức từ cấp huyện trở lên, đánh giá, khen thưởng, xin thôi làm nhiệm vụ, từ chức, miễn nhiệm, nghỉ hưu được thực hiện theo quy định của Luật cán bộ, công chức, các Nghị định, Thông tư và các văn bản của tỉnh có liên quan đến quản lý cán bộ chuyên trách cấp xã.

2. Sở Nội vụ có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Quyết định này; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan thực hiện Quy định này và định kỳ báo cáo kết quả về Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Bùi Văn Hải

Phụ lục số 1

Mẫu đơn đề nghị chuyển xếp lương đối với cán bộ chuyên trách cấp xã khi thay đổi về trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 313/2014/QĐ-UBND ngày 05/6/2014 của UBND tỉnh Bắc Giang)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CHUYỂN XẾP LƯƠNG KHI THAY ĐỔI VỀ TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ

Kính gửi: - Chủ tịch UBND xã (phường, thị trấn).....;
- Chủ tịch UBND huyện (thành phố).....;
- Sở Nội vụ.

Tên tôi là.....Nam (nữ).....
Sinh ngày.....tháng.....năm 19.....
Chức vụ:.....
Nơi công tác:.....
Hiện hưởng lương: mã số ngạch:.....bậc..... hệ số.....từ ngày...../...../.....
Thời gian xét nâng lương lần sau từ ngày ...../...../.....
Trình độ chuyên môn hiện nay.....
Chuyên ngành đào tạo:.....

Sau khi nghiên cứu điều kiện được chuyển xếp lương khi thay đổi trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đào tạo; tôi thấy bản thân có đủ điều kiện để chuyển xếp lương theo trình độ chuyên môn ..... Vì vậy tôi làm đơn này đề nghị được chuyển xếp lương từ ngạch ..... lên ngạch .....

Tôi gửi kèm theo đơn này gồm:

1. Bản sơ yếu lý lịch cán bộ theo mẫu số 2c, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi công tác trong thời hạn 30 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ đề nghị chuyển xếp lương.

2. Bản nhận xét, đánh giá cán bộ chuyên trách cấp xã trong vòng 12 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ, có xác nhận của người có thẩm quyền;

3. Bản sao có chứng thực quyết định xếp lương hiện hưởng;

4. Bản sao có chứng thực văn bằng, chứng chỉ về trình độ chuyên môn, trình độ quản lý Nhà nước, tin học văn phòng.

Tôi cam đoan hồ sơ đề nghị chuyển xếp lương của tôi là đúng sự thật. Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai và hồ sơ của mình./.

....., ngày..... tháng ..... năm .....
NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Phụ lục số 02

Mẫu đơn đề nghị xét chuyển từ cán bộ chuyên trách cấp xã sang công chức cấp xã
(Ban hành kèm theo Quyết định số 313 /2014/QĐ-UBND ngày 05 /6/2014 của UBND tỉnh Bắc Giang)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
XÉT CHUYỂN TỪ CÁN BỘ CHUYÊN TRÁCH CẤP XÃ SANG CÔNG CHỨC CẤP XÃ

Kính gửi: - Chủ tịch UBND xã (phường, thị trấn).....;
- Chủ tịch UBND huyện (thành phố).....;
- Sở Nội vụ.

Tên tôi là.....Nam (nữ).....
Sinh ngày.....tháng.....năm 19 .....
Chức vụ: .....
Nơi công tác:.....
Hiện hưởng lương: mã số ngạch:.....bậc.....hệ số.....từ ngày...../...../.....
Thời gian xét nâng lương lần sau từ ngày ...../...../.....
Trình độ chuyên môn hiện nay.....
Chuyên ngành đào tạo:.....

Sau khi nghiên cứu tiêu chuẩn của chức danh công chức....., tôi thấy bản thân có đủ điều kiện, tiêu chuẩn để chuyển sang chức danh công chức..... Vì vậy tôi làm đơn này đề nghị được xét chuyển sang công chức theo nguyện vọng.

Tôi gửi kèm theo đơn này gồm:

1. Bản sơ yếu lý lịch cán bộ theo mẫu số 2c, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi công tác trong thời hạn 30 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ;

2. Văn bản của Đảng ủy cấp xã đồng ý cho chuyển từ cán bộ chuyên trách cấp xã sang công chức cấp xã;

3. Bản sao có chứng thực Quyết định xếp lương gần nhất;

4. Bản sao có chứng thực Quyết định hoặc Nghị quyết phê chuẩn kết quả bầu cử của cấp có thẩm quyền;

5. Bản sao có chứng thực văn bằng, chứng chỉ về trình độ chuyên môn, trình độ tin học.

Tôi cam đoan hồ sơ đề nghị xét chuyển từ cán bộ chuyên trách sang công chức cấp xã của tôi là đúng sự thật. Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai và hồ sơ của mình./.

....., ngày..... tháng ..... năm .....

NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký, ghi rõ họ và tên)